

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
Vietnam Electric Cable Corporation

www.cadivi.vn



Vietnam Value



CADI VI

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam – CADIVI được biết đến là thương hiệu dây cáp điện uy tín, chất lượng hàng đầu Việt Nam với kinh nghiệm trên 40 năm sản xuất và cung cấp sản phẩm cho các công trình, dự án ngành điện, xây dựng công nghiệp, dân dụng, quốc phòng, công trình công cộng... đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Công ty đã đạt được nhiều giải thưởng, danh hiệu quốc gia, quốc tế, sản phẩm CADIVI luôn được khách hàng trong và ngoài nước tin dùng.

Chúng tôi luôn chú trọng đầu tư nghiên cứu, cải tiến để nâng cao chất lượng, hoàn thiện mẫu mã cũng như đưa ra các sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Hiện CADIVI có quan hệ hợp tác với nhiều nhà sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực dây cáp điện, thiết bị điện trên thế giới và là thành viên chính thức của Hiệp hội các nhà sản xuất Thiết bị và Sản phẩm Dây Cáp điện quốc tế (IA Intercable), Hiệp hội Thiết bị và Dây Cáp điện quốc tế (IWMA). Bên cạnh đó, với hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc và nhiều nước trên thế giới, với dịch vụ bảo hành, tư vấn kỹ thuật, hậu mãi, chăm sóc khách hàng chu đáo... CADIVI có khả năng đáp ứng một cách nhanh nhất, tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng.

Với triết lý kinh doanh "Thỏa mãn khách hàng là mục tiêu hàng đầu của CADIVI", "Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty"... sản phẩm CADIVI luôn được biết đến với chất lượng cao và hiệu quả vượt trội, được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; được kiểm nghiệm nghiêm ngặt bằng hệ thống máy móc hiện đại từ Nhật, Anh, Mỹ... và đã được cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cũng như quốc tế như IEC, CE, ASTM, UL, BS, JIS... Không chỉ được nhiều nhà đầu tư lớn trong nước lựa chọn thay thế hàng ngoại nhập, sản phẩm dây cáp điện CADIVI còn được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Singapore, Brunei, Myanmar, Campuchia... và đang tiếp tục mở rộng sang các nước Châu Âu, Nhật, Úc, Cuba... trong thời gian tới.

Dây cáp điện CADIVI: **ĐẪN ĐIỆN TỐT - CÁCH ĐIỆN AN TOÀN - TIẾT KIỆM ĐIỆN**

CADIVI xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã tin tưởng, đồng hành cùng sản phẩm CADIVI trong nhiều năm qua. CADIVI luôn sẵn sàng đón nhận những ý kiến đóng góp của Quý khách hàng trên tinh thần hợp tác và xây dựng để cùng phát triển.

Vietnam Electric Cable Corporation – CADIVI – is well-known as the leading electric wire and cable manufacturer in Vietnam. With more than 40-year history of development, CADIVI always confirms and consolidates the leading position in the field of wire and cable manufacture, supplying for every major market channel, including energy, industrial construction, military, infrastructure, civil building and export.... We have been awarded many national and international achievements and our products have attained the customers' confidence and trust.

CADIVI has business relations with many manufacturers, trading and economic groups in the wire and cable field all over the world. CADIVI is official member of the International Association of Cable Product and Machinery Manufacturers "Intercable" (IA Intercable) and the International Wire & Machinery Association (IWMA).

On the business philosophy – "Customer satisfaction is the number one goal for CADIVI" and "Product quality is the foundation of everything we do at CADIVI"... CADIVI wire and cable products are known for their high quality and outstanding performance. We apply the quality control system ISO 9001:2015 and test the products strictly with the updated machines from Japan, England, the USA... We are certified with the Vietnamese standard (TCVN) as well as the international ones such as IEC, CE, ASTM, UL, BS, JIS... Not only selected as an alternate for the imported cables by the local large investors, but also CADIVI's cables are sold to the USA, Singapore, Brunei, Myanmar, Cambodia... and we are expanding to the EU, Japan, Australia, Cuba... in the near future.

In order to serve the customers with the utmost manner, CADIVI always focuses on research and development to improve quality, design, reduce costs as well as launch up new products to meet the requirements of the customers. Besides, we have a large systems of distributors all around the country and in the world and the fastest after-sales services.

CADIVI wires and cables: **GREAT ELECTRICAL CONDUCTIVITY - SAFE ELECTRICAL INSULATION - SAVING ELECTRICAL POWER**

We would like to express our gratitude for your trust and accompany in last many years. We are pleased to welcome any constructive ideas, suggestions on the spirit of co-operation and mutual development.



02

Đầu bọc 3 lớp; thiết bị đo và kiểm soát bề dày bọc (3 lớp), độ đồng tâm, đường kính, độ oval - hiệu SIKORA

Triple-layer crosshead; X-ray measuring and control systems for wall thickness (3 layers), concentricity, diameter, ovality - SIKORA



HỆ THỐNG CCV LINES-TROESTER (ĐỨC) SẢN XUẤT CẤP TRUNG THỂ

**CCV lines-TROESTER (Made in Germany)
for the production of MV cables**

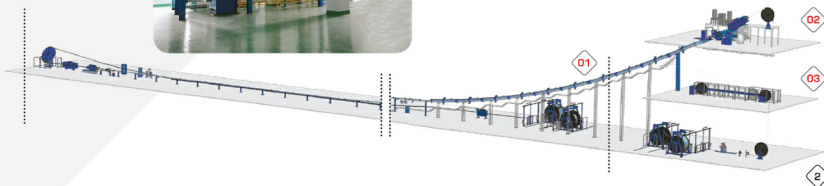
01

**Ống lưu hóa và ống làm nguội
CV tube and cooling tube**



03

**Ống lưu hóa và bộ tích lũy
CV tube and accumulator**



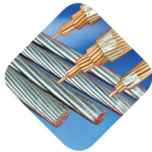


DÂY ĐIỆN DẪN DỤNG

Dây dẫn, nối các loại sử dụng cho các hệ thống điện dân dụng.

- Cấp điện áp: đến và bằng 450/750 V
- Số lõi: 1, 2
- Ruột dẫn: Đồng mềm
- Cấp 1: 1 sợi đơn
- Cấp 2: Ruột xoắn đồng tâm
- Cấp 5: Ruột xoắn mềm
- Mặt cắt danh định: 0,5 ÷ 10 mm²
- Cách điện: PVC
- Vỏ: PVC (nếu có)

Tiêu chuẩn: TCVN 6610/IEC 60227; TCVN 6612/IEC 60228; BS EN 50525; TCS 10A, 10B, 10C - CADIVI



DÂY TRẦN

Dùng cho đường dây truyền tải trên không, dây nối đất, dây chằng, dây chống sét.

- Dây đồng trần xoắn (C):
Mặt cắt danh định đến 1.000 mm²
- Dây nhôm trần xoắn (A):
Mặt cắt danh định đến 1.000 mm²
- Dây thép trần xoắn (GSW, GSW/G, HZ, TK):
Mặt cắt danh định đến 800 mm²
- Dây nhôm lõi thép (ACSR (As, Ac), ACSR/Mz, Lz, HZ, ACP): Mặt cắt danh định từ 10/1,8 - 1.250/101,8 mm² (mặt cắt phần nhôm/mặt cắt phần thép).

Tiêu chuẩn: TCVN 6483/IEC 61089; TCVN 5064; TCVN 8090; ASTM B231, B232; BS EN 50182; BS EN 50183

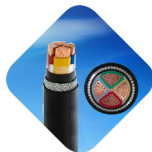


DÂY VÀ CÁP ĐIỆN LỰC HẠ THẾ

Dùng cho hệ thống phân phối điện hạ thế.

- Cấp điện áp: đến và bằng 0,6/1 kV
- Số lõi: 1, 2, 3, 4, 3+1
- Ruột dẫn: Đồng/nhôm
- Mặt cắt danh định: 1,5 ÷ 800 mm²
- Cách điện: PVC/XLPE
- Giáp bảo vệ: Không có/có giáp bảo vệ (DATA, DSTA, AWA hoặc SWA)
- Vỏ: Không có/có vỏ (PVC/HDPE/PE)
- Cấp chịu nhiệt: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228; JIS C3605



CÁP ĐIỆN LỰC HẠ THẾ - RUỘT DẪN RẼ QUẠT

Dùng cho hệ thống phân phối điện hạ thế.

- Cấp điện áp: đến và bằng 0,6/1 kV
- Số lõi: 1, 2, 3, 4
- Ruột dẫn: Đồng/nhôm
- Mặt cắt danh định: 35 ÷ 400 mm²
- Cách điện: PVC/XLPE
- Giáp bảo vệ: Không có/có giáp bảo vệ (DATA, DSTA, AWA hoặc SWA)
- Vỏ: PVC/HDPE
- Cấp chịu nhiệt: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228



CÁP ĐIỆN LỰC CHÂM CHÁY, CHỐNG CHÁY HẠ THẾ, IT KHỎI, KHÔNG HALOGEN

Dùng cho hệ thống phân phối điện hạ thế, có độ kháng mài mòn cao.

- Cấp điện áp: đến và bằng 0,6/1 kV
- Số lõi: 1, 2, 3, 4, 3+1
- Ruột dẫn: Đồng mềm
- Vật liệu chống cháy (dùng cho cáp chống cháy): băng mica
- Mặt cắt danh định: 1,5 ÷ 800 mm² • Cách điện: PVC/XLPE
- Giáp bảo vệ: Không có/có giáp bảo vệ (DATA, DSTA, AWA hoặc SWA)
- Vỏ: FR-PVC/nhựa LSHF
- Cấp chịu nhiệt: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)
- Chống cháy: Duy trì dòng điện ở 950°C trong 3 giờ (cat. C BS 6387)
- Châm cháy: Chống cháy lan ở 750°C trong 20 phút (cat. C IEC 60332-3-24)

Tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228; IEC 60331-2; IEC 60332-1,3; BS 4066-1,3; BS 6387



CÁP ĐIỆN LỰC TRUNG THẾ

Dùng cho hệ thống phân phối điện trung thế lắp đặt theo kiểu treo hoặc ngầm.

- Cấp điện áp: đến 40,5 kV
- Số lõi: 1, 3
- Ruột dẫn: Đồng/nhôm/nhôm lõi thép
- Mặt cắt danh định: 25 ÷ 630 mm²
- Cách điện: XLPE
- Màng chắn kim loại (nếu có): Băng đồng hoặc sợi đồng kết hợp băng đồng
- Giáp bảo vệ: Không có/có giáp bảo vệ (DATA, DSTA, AWA hoặc SWA)
- Vỏ: PVC/HDPE
- Cấp chịu nhiệt: 90 °C
- Chống thấm: Không có/có chống thấm

Tiêu chuẩn: TCVN 5935-2/IEC 60502-2; TCVN 6612/IEC 60228

BUILDING WIRES

Flexible cords, PVC insulated wires used for civil electrical systems.

- Rated voltages: up to and including 450/750 V
- Number of cores: 1, 2
- Conductor: Annealed copper
- Class 1: Solid conductors
- Class 2: Stranded circular
- Class 5: Flexible conductors
- Nominal area: 0,5 ÷ 10 mm²
- Insulation: PVC
- Sheath: PVC (if any)

Standards: TCVN 6610/IEC 60227; TCVN 6612/IEC 60228; BS EN 50525; TCS 10A, 10B, 10C - CADIVI

BARE CONDUCTORS

Used for overhead transmission lines, grounding, supporting systems.

- Stranded copper conductors (C):
Nominal area up to 1,000 mm²
- Stranded aluminium conductors (A):
Nominal area up to 1,000 mm²
- Ground steel wire (GSW, GSW/G, HZ, TK):
Nominal area up to 800 mm²
- Aluminium conductors steel reinforced (ACSR (As, Ac), ACSR/Mz, Lz, HZ, ACP): Nominal area for 10/1,8 - 1.250/101,8 mm² (Aluminum/steel)

Standards: TCVN 6483/IEC 61089; TCVN 5064; TCVN 8090; ASTM B231, B232; BS EN 50182; BS EN 50183

LOW VOLTAGE POWER CABLES

For low voltage power distribution systems.

- Rated voltages: up to and including 0,6/1 kV
- Number of cores: 1, 2, 3, 4, 3+1
- Conductor: Copper/aluminum
- Nominal area: 1,5 ÷ 800 mm²
- Insulation: PVC/XLPE
- Amouring: Unarmoured/armoured (DATA, DSTA, AWA or SWA)
- Sheath: Unsheathed/sheathed (PVC/HDPE/PE)
- Maximum operating temperature: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Standards: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228; JIS C3605

LOW VOLTAGE POWER CABLES-SECTOR CONDUCTORS

For low voltage power distribution systems.

- Rated voltages: up to and including 0,6/1 kV
- Number of cores: 2, 3, 4
- Conductor: Copper/aluminum
- Nominal area: 35 ÷ 400 mm²
- Insulation: PVC/XLPE
- Amouring: Unarmoured/armoured (DATA, DSTA, AWA or SWA)
- Sheath: PVC/HDPE
- Maximum operating temperature: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Standards: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228

FLAME RETARDANT, FIRE RESISTANT, LOW SMOKE, HALOGEN FREE (LSHF), LOW VOLTAGE POWER CABLES

For low voltage power distribution systems, highly abrasion resistant.

- Rated voltages: up to and including 0,6/1 kV
- Number of cores: 1, 2, 3, 4, 3+1
- Conductor: Annealed copper
- Fire barrier material for fire resistant cables: Mica tapes
- Nominal area: 1,5 ÷ 800 mm² • Insulation: PVC/XLPE
- Amouring: Unarmoured/armoured (DATA, DSTA, AWA or SWA)
- Sheath: Flame retardant PVC/LSHF compound
- Maximum operating temperature: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)
- Fire resistant: Keep on working at 950°C within 3 hours (cat. C BS 6387)
- Flame retardant: Avoid fire spreading at 750°C within 20 minutes (cat. C IEC 60332-3-24)

Standards: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228; IEC 60331-2; IEC 60332-1,3; BS 4066-1,3; BS 6387

MEDIUM VOLTAGE POWER CABLES

For medium voltage power distribution systems (overhead or underground).

- Rated voltages: up to 40,5 kV
- Number of cores: 1, 3
- Conductor: Copper/aluminum/ aluminum steel reinforced
- Nominal area: 25 ÷ 630 mm²
- Insulation: XLPE
- Metallic shield (if any): Copper tape or copper wire and tape
- Amouring: Unarmoured/armoured (DATA, DSTA, AWA or SWA)
- Sheath: PVC/HDPE
- Maximum operating temperature: 90 °C
- Water block: Without/with water blocking compound

Standards: TCVN 5935-2/IEC 60502-2; TCVN 6612/IEC 60228



CÁP XUẤT KHẨU

- Cáp landscape, power cord, pump, UF...
- Cáp vận xoắn trung thế (MV ABC), hạ thế (LV ABC)
- Cáp điện lực trung thế
- Dây và cáp điện hạ thế, chống cháy, chống cháy các loại
- Dây nhôm trần, dây dẫn dụng...

Tiêu chuẩn: UL 1581, UL 83, UL 62, IEC 60502, AS 3560...

CABLES FOR EXPORT

- Cables: landscape, power cord, pump, UF...
- MV ABC, LV ABC
- MV cables
- LV power cables, flame retardant, fire resistant cables
- Stranded aluminum conductors, building wires, flexible cords...

Standards: UL 1581, UL 83, UL 62, IEC 60502, AS 3560...



CÁP ĐIỆN KẾ (MULLER)

Dùng để dẫn điện từ đường dây vào đồng hồ điện của các hộ tiêu thụ

- Cáp điện áp: đến và bằng 0,6/1 kV
- Số lõi: 2, 3, 4
- Ruột dẫn: đồng mền/nhôm
- Mặt cắt danh định: $1,5 \times 50 \text{ mm}^2$
- Cách điện: PVC/XLPE
- Băng nhôm: dùng để chống trộm điện
- Vỏ: PVC
- Cấp chịu nhiệt: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228

SERVICE ENTRANCE CABLES

For transmitting the power from service entrance head to consumer meter

- Rated voltages up to and including: 0.6/1 kV
- Number of cores: 2, 3, 4
- Conductor: annealed copper/aluminum
- Nominal area: $1.5 \times 50 \text{ mm}^2$
- Insulation: PVC/XLPE
- Aluminum tape: For electricity anti-pilferage
- Sheath: PVC
- Maximum operating temperature: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Standards: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228



CÁP VẬN XOẮN HẠ THẾ (LV-ABC)

Dùng cho hệ thống phân phối điện hạ thế. Gồm các loại: tự chịu lực, dây trung tính chịu lực hoặc có dây treo bằng thép.

- Cáp điện áp: 0,6/1 kV
- Số lõi: 2, 3, 4
- Ruột dẫn: Nhôm xoắn đồng tâm ép chặt
- Mặt cắt danh định: $16 \times 150 \text{ mm}^2$
- Cách điện: XLPE
- Cấp chịu nhiệt: 90 °C

Tiêu chuẩn: TCVN 6447; AS 3560-1

LOW VOLTAGE AERIAL BUNDLED CABLES (LV-ABC)

For low voltage power distribution systems. Consist of: self-supported, neutral supported and steel wire messenger

- Voltage rating: 0.6/1 kV
- Number of cores: 2, 3, 4
- Conductor: Compact round concentric-lay stranded aluminium conductor
- Nominal area: $16 \times 150 \text{ mm}^2$
- Insulation: XLPE
- Maximum operating temperature: 90 °C

Standards: TCVN 6447; AS 3560-1



CÁP VẬN XOẮN TRUNG THẾ (MV-ABC)

Dùng cho hệ thống phân phối điện trung thế. Gồm các loại: tự chịu lực, dây trung tính chịu lực hoặc có dây treo bằng thép.

- Cáp điện áp: đến 40,5 kV
- Số lõi: 3 lõi xoắn xoắn lại với nhau, có/không có sợi cáp treo chịu lực
- Ruột dẫn: Nhôm
- Mặt cắt danh định: $35 \times 185 \text{ mm}^2$
- Cách điện: XLPE
- Vỏ: PVC/HDPE
- Cấp chịu nhiệt: 90 °C

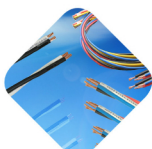
Tiêu chuẩn: AS/NZS 3599-1

MEDIUM VOLTAGE AERIAL BUNDLED CABLES (MV-ABC)

For medium voltage power distribution systems. Consist of: self-supported, neutral supported and steel wire messenger wire.

- Voltage rating: up to 40.5 kV
- Number of cores: 3 lay-stranded cores, with/without messenger wire
- Conductor: Aluminium
- Nominal area: $35 \times 185 \text{ mm}^2$
- Insulation: XLPE
- Sheath: PVC/HDPE
- Maximum operating temperature: 90 °C

Standards: AS/NZS 3599-1



CÁP MULTIPLEX

Dùng cho hệ thống phân phối điện hạ thế.

- Cáp điện áp: đến và bằng 0,6/1 kV
- Số lõi: 02 lõi (Cáp Duplex), 03 lõi (Cáp Triplex), 04 lõi (Cáp Quadruplex)
- Ruột dẫn: Đồng/nhôm
- Mặt cắt danh định: $4 \times 50 \text{ mm}^2$
- Cách điện: PVC/XLPE
- Cấp chịu nhiệt: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

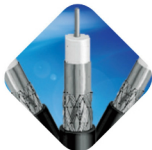
Tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228

MULTIPLEX CABLE

For low voltage power distribution systems.

- Rated voltages: up to and including 0.6/1 kV
- Number of cores: 02 cores (Duplex), 03 cores (Triplex), 04 cores (Quadruplex)
- Conductor: Copper/aluminum
- Nominal area: $4 \times 50 \text{ mm}^2$
- Insulation: PVC/XLPE
- Maximum operating temperature: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)

Standards: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6612/IEC 60228



DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC (S-4C-FB, S-5C-FB, S-7C-FB)

Là loại dây chuyên dụng, dùng để truyền tín hiệu có tần số từ 90 MHz ÷ 2.150 MHz, trở kháng 75 Ω.

Dùng cho các thiết bị thu phát tín hiệu vô tuyến, tivi, camera, truyền hình cáp chất lượng cao...

Tiêu chuẩn: JIS C 3502; JIS C 3102; JIS C 3152; TCCS 50-CADIVI

COAXIAL CABLE (S-4C-FB, S-5C-FB, S-7C-FB)

This coaxial cable with characteristic impedance 75 Ω used for connection between receivers of television including satellite broadcasting service and associated equipments. The service frequency is 90 MHz to 2.150 MHz.

Standards: JIS C 3502; JIS C 3102; JIS C 3152; TCCS 50-CADIVI



CÁP TRUYỀN SỐ LIỆU

Sử dụng để kết nối giữa các hệ thống máy chủ, các thiết bị đầu cuối... để truyền số liệu với tần số lên đến 100 MHz (CAT 5E) & 250 MHz (CAT 6)

Tiêu chuẩn: ANSI/TIA/EIA - 568 - C.2

- Ruột dẫn bằng đồng/Copper conductor
- Cách điện: HDPE
- Insulation: HDPE (high density polyethylene)
- Các đôi dây: có buồm xoắn khác nhau
- Pairs: twisted with different lays
- Lõi cáp: 4 đôi dây ghép với nhau
- Core: 4 pairs cabled together
- Vỏ: PVC/Jacket: PVC (Polyvinyl chloride)
- Dây xoắn/Ripcord

CAT 5E UTP 24 AWG

DATACOM (LAN) CABLE

Used for connection between servers, terminals... for data and voice transmission applications up to 100 MHz (CAT 5E) & 250 MHz (CAT 6)

Standards: ANSI/TIA/EIA - 568 - C.2

- Ruột dẫn bằng đồng/Copper conductor
- Cách điện: HDPE
- Insulation: HDPE (high density polyethylene)
- Các đôi dây: có buồm xoắn khác nhau
- Pairs: twisted with different lays
- Lõi cáp: 4 đôi dây ghép với nhau
- Core: 4 pairs cabled together
- Vỏ: PVC/Jacket: PVC (Polyvinyl chloride)
- Dây xoắn/Ripcord

CAT 6 UTP 23 AWG



CÁP ĐIỀU KHIỂN

Dùng để truyền tín hiệu điều khiển đến các thiết bị điện.

- Cấp điện áp: 0,6/1 kV
 - Số lõi: 2 ÷ 37
 - Ruột dẫn: Đồng
 - Mặt cắt danh định: 0,5 ÷ 25 mm²
 - Cách điện: PVC/XLPE
 - Màn chắn chống nhiễu (nếu có): bằng băng đồng hoặc lưới sợi đồng bện
 - Vỏ: PVC/HDPE
 - Cấp chịu nhiệt: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)
- Tiêu chuẩn: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6610/IEC 60227; TCVN 6612/IEC 60228; IEC 60092-350, 376

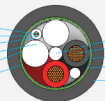


CÁP HYBRID (CÁP ĐIỆN KẾT HỢP CÁP QUANG)

Dùng cho hệ thống cung cấp điện có kết hợp xử lý dữ liệu; mạng di động, mạng wifi, hệ thống camera an ninh, mạng truy cập cố định, mạng truyền hình...

Tiêu chuẩn: IEC 60793-1-20, 21, 40, 42, 44, 45; IEC 60794-3-20 ITU-T G.652; G.655; G.657; IEC 60502-1; IEC 60227 TCVN 5933; TCVN 5935; TCVN 8665

Sợi quang/Optical fiber
Thùng nhựa Jelly
Ống lỏng/Loose tube
Sợi dẫn/Filler
Dây quấn Polyester có định lõi cáp/Binding yarn
Dây xoắn/Aramid ripcord



Lõi chịu lực trung tâm/Control strength member
Ruột dẫn đồng/Copper conductor
Vỏ cách điện PVC/PVC insulation
Băng thép gợn sóng/Corrugated steel tape
Lớp vỏ HDPE/HDPE jacket

CONTROL CABLES

For control circuits.

- Voltage rating: 0.6/1 kV
 - Number of cores: 2 ÷ 37
 - Conductor: Copper
 - Nominal area: 0.5 ÷ 25 mm²
 - Insulation: PVC/XLPE
 - Screen (if any): Copper tape or copper braiding wires
 - Sheath: PVC/HDPE
 - Maximum operating temperature: 70 °C (PVC)/90 °C (XLPE)
- Standards: TCVN 5935-1/IEC 60502-1; TCVN 6610/IEC 60227; TCVN 6612/IEC 60228; IEC 60092-350, 376

HYBRID CABLE

For the power systems combined with data processing; cellular networks, wifi networks, security cameras, fixed access network, television network...

Standards: IEC 60793-1-20, 21, 40, 42, 44, 45; IEC 60794-3-20 ITU-T G.652; G.655; G.657; IEC 60502-1; IEC 60227 TCVN 5933; TCVN 5935; TCVN 8665



CÁP INSTRUMENT

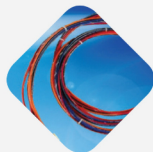
Dùng trong các ứng dụng đo đạc xử dụng tín hiệu điện, truyền dẫn tín hiệu điện từ cảm biến về thiết bị điều khiển, truyền dẫn tín hiệu điều khiển có yêu cầu chống nhiễu cao. Cấp điện áp: đến 0,6/1 kV.

Tiêu chuẩn: IEC 60228; TCVN 5935-1; BS EN 50288-7; IEC 60332-3-24; IEC 60502-1.

INSTRUMENTATION CABLE

For the applications of surveying with electric signal, transmitting electric signal from sensors to the controlling devices, and transmitting anti-noise signals. Rated voltage: Up to 0.6/1 kV.

Standards: IEC 60228; TCVN 5935-1; BS EN 50288-7; IEC 60332-3-24; IEC 60502-1.



DÂY ĐIỆN DÙNG TRONG XE Ô TÔ & XE GẮN MÁY

Là loại dây chuyên dụng, dùng để dẫn điện trong xe ô tô & xe gắn máy. Đặc điểm loại dây này là có tính chịu nhiệt độ cao, kháng dầu, không chì (theo chuẩn châu Âu RoHS).

Loại: AVSS, AVS, CAVS, HEB, EB

Tiêu chuẩn: JASO D 611; JIS C 3102; JIS C 3152

AUTOMOTIVE CABLE

These specific cables are used for automobiles (vehicles and motorcycles). These cables are resistant to heat, oil and lead-free (according to EU standard RoHS).

Type: AVSS, AVS, CAVS, HEB, EB

Standards: JASO D 611; JIS C 3102; JIS C 3152



CÁP HÀN

Cáp hàn được thiết kế để truyền dòng điện cao giữa biến thể hàn và điện cực. Cấp được sử dụng cho các loại máy hàn hồ quang thông dụng, robot hàn hồ quang...

- Độ mềm dẻo cao
- Khả năng chịu dầu tốt
- Bảo đảm tính chặt chẽ
- Kháng mài mòn cao
- Kháng ozone

Tiêu chuẩn: TCVN 9615-6, IEC 60245-6

WELDING CABLE

Welding cables are designed to transmit the high electrical current between welding transformers and electrodes. For the popular arc welding machines, arc welding robots...

- Highly flexible
- Oil resistant.
- Flame retardant
- Abrasion resistant.
- Ozone resistant

Standards: TCVN 9615-6, IEC 60245-6



DÂY TRẮNG MEN

Loại dây	PEW	EIW	AIW
1 lớp men phủ			
Cấp chịu nhiệt (°C)	155	180/200	200/220
Loại dây	PE/EIW	PEI/AIW	
2 lớp men phủ			
Cấp chịu nhiệt (°C)	180/200	200/220/240	

Tiêu chuẩn: ANSI/NEMA-1000, IEC-60317, JIS-3202, TCVN-7675

ENAMELLED WIRE

Single coated enameled wire	PEW	EIW	AIW
Thermal index (°C)	155	180/200	200/220
Double coated enameled wire	PE/EIW	PEI/AIW	
Thermal index (°C)	180/200	200/220/240	

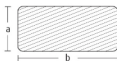
Standards: ANSI/NEMA-1000, IEC-60317, JIS-3202, TCVN-7675



DÂY ĐỒNG CHỮ NHẬT BỌC GIẤY CÁCH ĐIỆN

Dây đồng chữ nhật dùng để quấn các loại động cơ điện, biến thế điện, khí cụ điện công suất lớn.

Tiêu chuẩn: TCVN 7675-27/IEC 60317-27



PAPER COVERED RECTANGULAR COPPER WIRES

Rectangular copper wire: hard, semi-hard, annealed to be used for motors, transformers, electric devices with high capacity.

Standards: TCVN 7675-27/IEC 60317-27

Dây chữ nhật	Bề dày a	Bề rộng b
Rectangular wires	Thickness a	Width b
Kích thước danh định	0,5 - 12 mm	1,6 - 20 mm
Nominal dimensions		



KHÍ CỤ ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN

- Các loại cầu dao 2, 3 pha, cầu dao đảo chiều
 - Ống luồn dây điện: ống luồn cứng, ống luồn đàn hồi
 - Phụ kiện ống luồn...
 - Cáp nối dài
 - Hại nhựa PVC dùng cho dây và cáp điện
- Tiêu chuẩn: TCVN 7417/BS EN 61386;
TCVN 6188-1/IEC 60884-1; TCVN 6480/IEC 60669;
TCCS 07-CADIVI

ELECTRIC DEVICES AND ACCESSORIES

- 2P, 3P closing switch, reversing switch
- PVC conduits: rigid and flexible conduits
- Accessories of conduits
- Extension cords
- PVC compounds for electric wires and cables

Standards: TCVN 7417/BS EN 61386;

TCVN 6188-1/IEC 60884-1; TCVN 6480/IEC 60669; TCSS 07-CADIVI



Ổ CẮM LIỀN DÂY & CÁP NỐI DÀI

An toàn, tiếp xúc tốt, có thiết kế thông dụng.
Cấp điện áp: 250V.
Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1; TCVN 6190; TCVN 6480-1; TCVN 6610-5.

INSTANT WIRE SOCKETS & EXTENSION CABLE

Safety, good contact, common design.
Rated voltage: 250V.

Standards: TCVN 6188-1; TCVN 6190; TCVN 6480-1; TCVN 6610-5.

NGOÀI RA CADIVI CŨNG CÓ THỂ SẢN XUẤT CÁC LOẠI CÁP KHÁC CÓ KẾT CẤU VÀ TIÊU CHUẨN THEO YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG
CADIVI is also committed to providing customized cable solution to suit any customer standards and requirements.

SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADIVI ĐƯỢC SẢN XUẤT VÀ KIỂM TRA TUẦN THỦ THEO CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VÀ QUỐC TẾ THÔNG DỤNG: TCVN, IEC, ASTM, BS, AS, JIS...

CADIVI's wires and cables are produced and tested in accordance with the Vietnamese and international standards: TCVN, IEC, ASTM, BS, AS, JIS...

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Trụ sở: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84.28) 3829 2971 | Fax: (84.28) 3829 9437 | Email: cadivi@cadivi.vn

VIETNAM ELECTRIC CABLE CORPORATION

Headquarters: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Street,
Nguyễn Thái Bình Ward, Dist. 1, HCMC, Vietnam

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÔNG TY TNHH MTV CADIVI MIỀN BẮC

52 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (024) 3734 6846 | Fax: (024) 3734 6813

CADIVI MIEN BAC CO., LTD.

52 Le Dai Hanh Str., Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (024) 37346 846 | Fax: (024) 37346 813

CÔNG TY TNHH MTV CADIVI ĐỒNG NAI

Đường số 1, KCN Long Thành, Xã Tam An,
Huyện Long Thành, Đồng Nai
ĐT: (0251) 3514 128 | Fax: (0251) 3514 120

CADIVI DONG NAI CO., LTD.

Street No.1, Long Thanh Industrial Zone, Tam An Ward,
Long Thanh District, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3514 128 | Fax: (0251) 3514 120

NHÀ MÁY CADIVI MIỀN ĐÔNG

Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
ĐT: (0251) 3836 165 - 3836 187 | Fax: (0251) 3836 444

CADIVI MIEN DONG FACTORY

Street No.1, Bien Hoa 1 Industrial Zone, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3836 165 - 3836 187 | Fax: (0251) 3836 444

NHÀ MÁY CADIVI MIỀN ĐÔNG-Cơ sở 1

Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
ĐT: (0251) 3836 200 - 3836 531 | Fax: (0251) 3836 452

CADIVI MIEN DONG FACTORY-Subsidiary 1

Street No.1, Bien Hoa 1 Industrial Zone, Dong Nai Province
Tel: (0251) 3836 200 - 3836 531 | Fax: (0251) 3836 452

NHÀ MÁY CADIVI MIỀN ĐÔNG-Cơ sở 2

Đường số 2, Khu Công Nghiệp Long Thành, Đồng Nai

CADIVI MIEN DONG FACTORY-Subsidiary 2

Street No. 2, Long Thanh Industrial Zone, Dong Nai Province

NHÀ MÁY CADIVI SÀI GÒN

Lô C2-4, Đường N7, KCN Tân Phú Trung,
Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.HCM
ĐT: (028) 6683 3602 | Fax: (028) 3796 8268

CADIVI SAIGON FACTORY

Lot C2-4, N7 Street, Tan Phu Trung Industrial Zone,
Tan Phu Trung Ward, Cu Chi Dist., HCMC
Tel: (028) 6683 3602 | Fax: (028) 3796 8268

NHÀ MÁY CADIVI MIỀN TRUNG

Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (0236) 3662 339 | Fax: (0236) 3662 379

CADIVI MIEN TRUNG FACTORY

Street No.2, Hoa Cam Industrial Zone, Cam Le Dist., Da Nang City
Tel: (0236) 3662 339 | Fax: (0236) 3662 379